

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5**

-----

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
đã được kiểm toán**

**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA  
NAM - AASCS**

## MỤC LỤC



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 57



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **Thông tin pháp lý**

Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5 được chuyển từ Công ty Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Số 5 theo Quyết định số 139/2004/QĐ-BCN ngày 22 tháng 11 năm 2004 của Bộ Công Nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Số 5 thành Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5.

**Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012** vốn điều lệ của Công ty là: 12.500.000.000 VNĐ, tương đương 1.250.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 675.000 cổ phần, chiếm 54% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là 575.000 cổ phần, chiếm 46% vốn Điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5 gồm có các đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty
- Xí nghiệp Xây Lắp và VLXD
- Xí nghiệp Xây Dựng và SXCN

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0302156370 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần một ngày 25/03/2011, hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), thi công xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, đường dây và trạm điện từ 35KV trở xuống.
- Lắp đặt thiết bị công nghệ, ống công nghệ, công trình điện \_ nước, đo lường, tự động hoá, phòng chống cháy nổ.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, các sản phẩm từ kim loại, đất đèn, khí axetylen (không sản xuất tại trụ sở), chiết nạp và kinh doanh khí hoá lỏng (gas) (không chiết nạp và kinh doanh tại trụ sở), đại lý ký gửi hàng hoá, khai thác, khoan nổ mìn và phá đá (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Mua bán nguyên liệu-vật tư-thiết bị ngành xây dựng

## **Kết quả hoạt động**

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là 4.968.786.472 VND (Năm 2011 lợi nhuận sau thuế là 4.758.625.260VND).

## **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## **Hội đồng Quản trị**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm:

Ông Lê Ngọc Sáu	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Khương	Ủy viên
Ông Chu Tuấn Ngọc	Ủy viên
Ông Tăng Văn Phiệt	Ủy viên
Ông Nguyễn Phùng Xuân	Ủy viên

## **Ban kiểm soát**

Các thành viên của Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

Ông Trần Hữu Ân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tâm	Thành viên

## **Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Khương	Giám đốc
Ông Nguyễn Phùng Xuân	Phó Giám đốc
Ông Tống Quang Thiêm	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiền	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng phòng tài chính kế toán

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán phù hợp được tuân thủ;
- Không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực và hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2013

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ Tịch



*Lê Ngọc Sáu*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của  
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5**

**Kính gửi : Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng  
Số 5**

**Ban Giám Đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5 được lập ngày 10 tháng 02 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 57 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Chủ Tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên :**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư

Xây Dựng Số 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám đốc



**Đỗ Khắc Thanh**  
Chứng chỉ KTV số Đ0064/KTV

Kiểm toán viên

**Lê Kim Ngọc**  
Chứng chỉ KTV số 0181/ KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>267.643.591.634</b>	<b>173.110.486.026</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>41.167.502.433</b>	<b>4.684.510.475</b>
1. Tiền	111	1	41.167.502.433	4.684.510.475
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.255.217.030</b>	<b>66.367.157.116</b>
1. Phải thu khách hàng	131	2	32.521.904.402	52.420.939.880
2. Trả trước cho người bán	132	3	29.087.941.987	15.166.719.716
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	4	2.825.370.641	918.318.674
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(180.000.000)	(2.138.821.154)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>156.923.388.944</b>	<b>95.484.385.965</b>
1. Hàng tồn kho	141	6	156.923.388.944	95.484.385.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.297.483.227</b>	<b>6.574.432.470</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	1.929.214.797	2.591.617.903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	3.368.268.430	3.982.814.567
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>18.405.842.604</b>	<b>14.971.568.912</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 57 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.532.133.368</b>	<b>11.693.140.604</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	9	9.523.290.419	8.686.226.580
- Nguyên giá	222		29.938.662.871	25.690.413.585
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.415.372.452)	(17.004.187.005)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	10	2.219.307.042	910.729.253
- Nguyên giá	225		2.550.790.910	2.549.890.784
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(331.483.868)	(1.639.161.531)
3. TSCĐ vô hình	227	11	1.078.974.649	1.200.760.705
- Nguyên giá	228		1.826.790.811	1.826.790.811
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(747.816.162)	(626.030.106)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	710.561.258	895.424.066
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	3.000.000	3.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.870.709.236</b>	<b>3.275.428.308</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	4.870.709.236	3.275.428.308
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>286.049.434.238</b>	<b>188.082.054.938</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	số	minh		
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>260.714.364.510</b>	<b>165.949.422.378</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>258.694.859.764</b>	<b>164.913.639.863</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	45.644.783.337	9.594.265.463
2. Phải trả cho người bán	312	16	66.305.953.903	46.792.020.990
3. Người mua trả tiền trước	313	17	124.303.634.079	84.239.325.316
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	11.304.416.880	13.892.961.131
5. Phải trả người lao động	315			77.924.108
6. Chi phí phải trả	316	19	5.256.685.631	9.309.214.741
7. Phải trả nội bộ	317			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	20	5.918.370.739	745.378.223
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	21	-38.984.805	262.549.891
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.019.504.746</b>	<b>1.035.782.515</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	22	288.074.424	308.074.424
4. Vay và nợ dài hạn	334	23	1.302.291.668	306.792.368
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	24	429.138.654	420.915.723
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>25.335.069.728</b>	<b>22.132.632.560</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>25.335.069.728</b>	<b>22.132.632.560</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	12.500.000.000	12.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	104.470.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	27		(1.005.430.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	28	5.759.198.769	4.389.175.596
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	29	1.229.990.227	946.905.395
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	30	5.741.410.732	5.301.981.569
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>286.049.434.238</b>	<b>188.082.054.938</b>

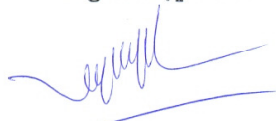
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 57 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1	2	3	4
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.200.022.903	
- Công ty TNHH Tân Minh Thắng		1.121.028.712	
- Trần Thanh Đăng		78.994.191	
5. Ngoại tệ các loại			
- USD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 10 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thu Nguyệt

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hồng Hải

Giám đốc

  
Nguyễn Văn Khương

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	419.441.346.362	287.698.976.040
2. Các khoản giảm trừ	03			0
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		419.441.346.362	287.698.976.040
4. Giá vốn hàng bán	11	32	393.113.702.514	269.101.135.026
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.327.643.848	18.597.841.014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	303.205.719	388.139.075
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	34	2.569.295.959	638.098.629
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		2.569.295.959	638.098.629
8. Chi phí bán hàng	24	35	239.449.487	254.037.952
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36	17.971.162.874	12.198.305.973
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		5.850.941.247	5.895.537.535
11. Thu nhập khác	31	37	398.375.547	1.071.736.260
12. Chi phí khác	32	38	226.545.312	1.155.116.521
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		171.830.235	-83.380.261
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.022.771.482	5.812.157.274
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	1.053.985.010	1.053.532.014
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		4.968.786.472	4.758.625.260
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	4.311	3.977

Ngày 10 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thu Nguyệt

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hồng Hải

Giám đốc

  
  
Nguyễn Văn Hương

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và DT khác	01	450.126.446.942	342.036.994.611
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa và DV	02	(356.670.112.481)	(281.304.916.390)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(106.930.822.531)	(55.169.065.114)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.094.031.244)	(469.678.284)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(850.976.415)	(285.184.378)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	103.525.734.277	16.558.584.390
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(83.056.539.143)	(26.001.381.981)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.049.699.405</b>	<b>-4.634.647.146</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(2.639.480.810)	(1.346.803.933)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	409.090.953
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị	23	(23.791.019.666)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	23.791.019.666	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	5.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	300.306.189	374.790.481
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.339.174.621)</b>	<b>(557.922.499)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	104.470.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	95.473.906.196	20.029.300.907
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(57.277.128.322)	(17.163.518.708)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.150.760.700)	(344.084.736)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.378.020.000)	(2.233.150.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>34.772.467.174</b>	<b>288.546.663</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>36.482.991.958</b>	<b>-4.904.022.982</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.684.510.475</b>	<b>9.588.533.457</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>41.167.502.433</b>	<b>4.684.510.475</b>

Ngày 10 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Nguyệt*

Kế toán trưởng

*Nguyễn Hồng Hải*

Giám đốc



*Nguyễn Văn Khương*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5 được chuyển từ Công ty Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Số 5 theo Quyết định số 139/2004/QĐ-BCN ngày 22 tháng 11 năm 2004 của Bộ Công Nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Số 5 thành Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 vốn điều lệ của Công ty là: 12.500.000.000 VNĐ, tương đương 1.250.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 675.000 cổ phần, chiếm 54% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là 575.000 cổ phần, chiếm 46% vốn Điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5 gồm có các đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty
- Xí nghiệp Xây Lắp và VLXD
- Xí nghiệp Xây Dựng và SXCN

#### 2. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

##### Lĩnh vực kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0302156370 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần một ngày 25/03/2011, hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), thi công xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, đường dây và trạm điện từ 35KV trở xuống.
- Lắp đặt thiết bị công nghệ, ống công nghệ, công trình điện \_ nước, đo lường, tự động hoá, phòng chống cháy nổ.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, các sản phẩm từ kim loại, đất đèn, khí axetylen (không sản xuất tại trụ sở), chiết nạp và kinh doanh khí hoá lỏng (gas) (không chiết nạp và kinh doanh tại trụ sở), đại lý ký gửi hàng hoá, khai thác, khoan nổ mìn và phá đá (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Mua bán nguyên liệu-vật tư-thiết bị ngành xây dựng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Tổng số lao động : 1.377 người.**

- Trong đó: Lao động gián tiếp: 135 người, lao động trực tiếp: 139 người, lao động thời vụ: 1.103 người.

### 3. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

Không có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm.

## II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III. Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006 – QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Số 5 là Nhật ký Chứng từ.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Nguyên tắc, xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam

---

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Ngoại thương.

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

#### 2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh đối với từng loại nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm tồn kho.

#### 2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### 2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Trong năm, Công ty chưa áp dụng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

---

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Số dư các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là tài sản dài hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Tại thời điểm lập báo cáo cuối năm, công ty đã trích dự phòng.

### 4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### 4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009.

### 5. Hợp đồng thuê tài chính

#### 5.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### 5.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### 6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

#### 6.1. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

---

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

### **6.2. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác**

#### **6.2.1. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

#### **6.2.2. Chi phí khác**

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

### **6.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

---

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Số dư của các tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Số dư của thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

### **9. Ghi nhận chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

### **10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định Doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Trong những trường hợp cụ thể, doanh thu còn được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối Kế toán được Chủ đầu tư xác nhận.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

### **14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng được hạch toán vào thu nhập tài chính trong

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

năm.

- Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ 1 phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
- Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào thu nhập tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
<b><u>1. Tiền</u></b>		<b><u>41.167.502.433</u></b>	<b><u>4.684.510.475</u></b>
<b><u>1.1. Tiền mặt (TK 111)</u></b>		<b><u>570.867.711</u></b>	<b><u>924.798.432</u></b>
- Văn phòng công ty		338.320.771	46.085.899
- Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng		45.881.612	233.870.004
- Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp		186.665.328	644.842.529
<b><u>1.2. Tiền gửi ngân hàng(TK 112)</u></b>		<b><u>40.596.634.722</u></b>	<b><u>3.759.712.043</u></b>
<b><u>1.2.1. Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>40.208.591.694</u></b>	<b><u>3.270.069.972</u></b>
- Ngân hàng Ngoại Thương CN TPHCM		51.983.316	5.572.546
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - SGD2		64.371.471	25.771.563
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - SGD2 (Xí nghiệp 1)			3.554.223
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - SGD2 (Xí nghiệp 2)			2.109.955
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - SGD2 (Tài khoản giao dịch chứng khoán)		2.337.204	
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank TPHCM (TK chuyên dụng)		1.926.474	1.828.239
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank TPHCM		1.601.697.798	452.214.838
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn		38.486.275.431	2.779.018.608
<b><u>1.2.2. Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>90.666.275</u></b>	<b><u>47.684.336</u></b>
<b><u>Tiền gửi VND (TK 1121)</u></b>		<b><u>90.666.275</u></b>	<b><u>47.684.336</u></b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai		14.666.482	5.693.393

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2, TP.Hồ Chí Minh		75.999.793	41.990.943
<b><u>1.2.3. Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>297.376.753</u></b>	<b><u>441.957.735</u></b>
- Chi nhánh ngân hàng Công Thương Việt Nam - KCN Biên Hoà		6.614.029	439.013.011
- Sở GD II - Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam		2.490.724	2.944.724
- Ngân hàng Quân Đội		288.272.000	
<b><u>2. Phải thu khách hàng (TK 131)</u></b>		<b><u>32.521.904.402</u></b>	<b><u>52.420.939.880</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>19.280.695.699</u></b>	<b><u>39.181.167.053</u></b>
<u>Trong đó:</u>			
- Ban Quản lý ĐTXD Ctr H.Củ Chi (Trường Tân Thanh Tây)			3.308.701.722
- Cty CP Giày An Lạc (Gói 3: NX An Thành)			3.830.388.903
- Cty CP Sữa Việt Nam (NM Sữa Đà Nẵng)			19.025.912.122
- Cty TNHH Castrol BP Petco			1.563.621.075
- Cty TNHH Sài Gòn Bạc Liêu 2 (Phần thô)			1.122.575.432
- Cty TNHH TM Sài Gòn Sóc Trăng			736.996.546
- Cty TNHH TMDV Sài Gòn Cà Mau			607.580.531
- Cty Cp Viet Nam Motors Cần Thơ		1.903.110.000	
- Cty CP Vinacafe Biên Hòa (Gói XL4)		6.050.684.038	
- Cty CP Vinacafe Biên Hòa (Gói XL2)		8.523.791.120	
- Liên doanh Toa TOYO- DA Cảng Q tế Cái Mép		969.142.267	
- Penta -Rinkai Venture (CT Thị Vải)		408.557.702	
- Cty CP ô tô Huynhdai-Vinamotor			1.903.110.000
- Trung tâm mắt Quảng Ngãi		234.411.522	665.483.322
- Văn phòng tỉnh ủy Kiên Giang (Nhà ăn-Sân đường)			1.108.385.358
- Cty TNHH Quốc Việt (XN 1)			284.680.603

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012 Ngoại tệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>2.145.507.749</u></b>	<b><u>3.664.750.277</u></b>
<b>Phải thu doanh thu bán đá</b>		<b>368.724.045</b>	<b>692.222.464</b>
Trong đó:			
- Nguyễn Văn Bình (Cty TNHH Thịnh Tân)		202.307.406	345.108.518
- DNTN Tân Hưng Hiệp		2.127.306	142.290.483
- Công ty TNHH Hồng Hà		189.276	83.737.391
- Cty CP ĐT và XD CT 79		38.783.362	28.036.783
- Châu Văn Hiếu (Cty Hiếu Bảo)		890	28.172.185
- Trần Văn Tiên		39.456.685	2.322.240
- DNNT Tân Gia Phát ( Nguyễn Văn Thanh)		18.559.900	18.559.900
- Đào Thị Kim Hoa (Cty Phú Quang)		16.580.164	16.580.164
<b>Phải thu kinh doanh khác</b>			<b>1.121.028.712</b>
<b>Phải thu doanh thu XD</b>		<b>1.776.783.704</b>	<b>1.851.499.101</b>
- Ctrình xưởng SX-Cty TNHH MP Quốc tế		0	252.998.000
- Ctrình XD biệt thự P.Thảo Điền - Quận 2		0	32.290.000
- Ctrình Phòng khám đa khoa An Giang		951.310.534	
- Ctrình Trường Mầm Non Rạng Đông 10		266.268.710	769.811.821
- Ctrình Trường tiểu học Hóa An - Tp. Biên Hòa		217.691.000	
- Ctrình Mở rộng Nhà máy nước khoáng Lavie		285.600.460	
- Ctrình Mở rộng Nhà máy sữa Cần Thơ		0	824.824.885
- Ctrình Phòng khám đa khoa Thuận Giao		55.913.000	
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>11.095.700.954</u></b>	<b><u>9.575.022.550</u></b>
Trong đó:			
- Nguyễn Thị Lệ Mai		244.034.000	244.034.000
- Cơ Sở Thanh Tâm		267.851.450	312.307.650
- Đoàn Thị Xuân		303.598.990	352.454.990
- Dầu Khí Vũng Tàu		230.199.200	233.721.840
- Hải Tín		324.737.603	325.133.103
- Tân Thành		243.424.250	263.424.250

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Hải Yến		278.520.000	83.622.000
- Messer		761.922.151	1.547.483.206
- Châu Á Mỹ		75.452.500	147.840.000
- Sở Nông Nghiệp		496.575.868	686.789.398
- Định Hoà		123.594.303	980.799.303
- An Linh		531.446.000	3.423.194.000
- Hoa Mai		6.731.011.000	
<b><u>3. Trả trước cho người bán (TK 331)</u></b>		<b><u>29.087.941.987</u></b>	<b><u>15.166.719.716</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>25.764.006.624</u></b>	<b><u>13.349.013.688</u></b>
Trong đó:			
- CN Cty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera		516.472.091	
- Cty TNHH Phát triển Công nghệ Hệ thống		661.436.000	
- Cty TNHH TM DV Xây dựng Sài Gòn Nội thất		767.298.760	
- Cty CP Nhà thép và Xây dựng Công nghiệp TSB		907.203.948	
- Cty CP ĐT XD TM XNK Nam Việt		1.500.000.000	
- Cty TNHH MTV Cơ khí Năm Cường		592.000.000	
- Cty TNHH TM XD PCCC Thăng Long		664.000.000	
- Cty TNHH XD Tăng Thịnh Phát			800.000.000
- Cty CP Hưng Thịnh Phát			1.375.330.184
- Trần Hoàng Long (CT BVĐK Sóc Trăng)		1.545.842.333	732.225.348
- XNXL Số 2- Trường THCS Lạc An		736.081.834	
- XNXL Số 2 - Trường THCS Lê Thị Trung		683.196.161	1.782.444.574
- Lê Quang Phú (Trường Tân Mỹ)		895.000.000	
- Lê Văn Hùng (Nhà thiếu nhi)		526.241.383	
- Lã Hồng Châu (CT Nhà Đa năng BD)		2.407.791.666	
- Nguyễn Tấn Phi Long (Vinacafe)		2.658.944.558	
- Nguyễn Đình Đạt (Nhựa BB Tân Tiến)		4.149.414.565	
- Trần Hoàng Long (VCB Kiên Giang)		527.988.610	
- Đoàn Thị Tuyết Nhung (NX Bột giặt Lix)			1.241.164.502

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>3.211.726.439</u></b>	<b><u>1.800.024.198</u></b>
<b>TK 331 mô</b>		<b>1.946.066.098</b>	<b>880.218.315</b>
Trong đó:			
- Nguyễn Văn Ngọc (xe xúc)		118.510.140	
- Vũ Đức Thắng		114.147.677	
- Trương Thị Thu Dung		116.677.247	
- Võ Xuân Vịnh (xe 3187)		74.342.863	12.803.496
- DNTN Vũ Tâm (xe SK12)		105.260.021	
- Phạm Thanh Phong (xe 4001)		122.372.374	
- Phạm Văn Giai		2.443.233	29.451.450
- Nguyễn Mỹ Lương		27.557.150	60.557.150
- Phạm Lê Thắng		80.000.000	80.000.000
- DNTN Vũ Tâm (xe 400)		132.860.973	
- DNTN Vũ Tâm (xe 9955)		166.140.091	
- TT Chuyển giao CN & DV Địa chất		652.000.000	652.000.000
<b>TK 331 xây dựng</b>		<b>1.265.660.341</b>	<b>919.805.883</b>
Trong đó:			
- Phí Minh Châu		106.281.780	108.890.000
- Trần Thanh Đăng		0	78.994.191
- Nguyễn Mạnh Việt		0	77.840.105
- Bùi Thiết Hùng (Bảo nhân công sắt)		83.943.590	18.479.090
- Cty TNHH Nhật Nhật Tân		67.662.818	
- Cửa hàng trang thiết bị y tế Mai Thành		152.502.000	
- Nguyễn Ngọc Vĩnh		64.897.393	
- Lê Thanh Ngân		76.635.366	
- Nguyễn Anh Thi		11.323.084	32.884.128
- Nguyễn Tiến Điệp		0	21.074.520
- DNTN Huỳnh Hiệp		0	80.000.000
- Cty TNHH MTV XD TM Hàng Hoà		0	291.705.480
- Cty TNHH San Vy		179.696.254	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Cty TNHH SX TM XD Thời Đại		324.000.000	
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>112.208.924</u></b>	<b><u>17.681.830</u></b>
- Môi trường		15.000.000	15.000.000
- Phát Đạt			938.635
- Toàn Thắng			1.733.000
- Trạm điện Hoa Mai		57.606.694	
- Ngói		35.000.000	
- Triệu (Xe đào)		4.000.000	
<b><u>4. Phải thu khác</u></b>		<b><u>2.825.370.641</u></b>	<b><u>918.318.674</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>2.343.632.076</u></b>	<b><u>404.406.923</u></b>
<b><u>Phải thu khác (TK 138)</u></b>		<b><u>396.584.471</u></b>	<b><u>332.709.863</u></b>
Cty CP Công nghệ Hiệp Phát		8.628.733	3.825.989
Cty CP Lắp Máy & Xây dựng Miền Nam		22.466.724	16.566.310
Cty TNHH MTV Hóa chất cơ bản MN			30.350.061
Cty TNHH Trang Trí Nội thất Minh San		367.213	759.941
DNTN Sửa chữa ô tô Thanh Sơn		1.611.220	1.283.005
Thu tiền bán CP trả chậm cho người nghèo		89.644.000	89.644.000
Thuê tài chính (xe Mercedes-HD 68.12.07)		97.256.948	
Thuê tài chính (Toyota fortuner-HD55.09.12)			4.458.688
Thuê tài chính (xe đào bánh xích-HD55.10.19)		5.568.193	18.931.825
VP ĐD Tổng Công ty Hoá Chất Việt Nam			8.671.446
VP ĐD Tổng Công ty Xây Dựng CN VN		171.041.440	158.218.598
<b><u>Phải thu khác (TK 338)</u></b>		<b><u>1.947.047.605</u></b>	<b><u>71.697.060</u></b>
- Cty nộp về Tổng công ty tiền CP chênh lệch		20.661.205	20.661.205
- Cty TNHH Hưng Phúc Thịnh		6.386.400	
- Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Cty CP XD số 5 nộp hộ tiền mua cổ phiếu theo CV số 841/Vinaincon ngày 21/12/2012)		1.920.000.000	
- Ban QLDA XD công trình Y tế (BV Tân Thạnh)			50.816.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012 Ngoại tệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Sở GD-Đào tạo, Sóc Trăng (XD Trường An Hiệp)			219.855
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>47.810.445</u></b>	<b><u>43.168.001</u></b>
<u>Phải thu khác (TK 138)</u>		<u>47.810.445</u>	<u>43.168.001</u>
- Thu BHXH và BHYT		22.810.445	18.168.001
- XN Xây Dựng Số 2		25.000.000	25.000.000
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>433.928.120</u></b>	<b><u>470.743.750</u></b>
<u>Phải thu khác (TK 138)</u>		<u>433.928.120</u>	<u>470.520.000</u>
- Thu lại tiền chi hộ tết thiếu nhi		10.200.000	10.200.000
- Phải thu lại tiền nghỉ mát		29.748.120	66.340.000
- Phải thu khác ( Đất đền bù )		390.000.000	390.000.000
- Phải thu khác		3.980.000	3.980.000
<u>Phải thu khác (TK 338)</u>			<u>223.750</u>
- Bảo hiểm xã hội			172.719
- Bảo hiểm y tế			35.329
- Bảo hiểm thất nghiệp			15.702
<b><u>5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi (TK 139)</u></b>		<b><u>-180.000.000</u></b>	<b><u>-2.138.821.154</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>			<b><u>-473.510.251</u></b>
- Cty Quốc Anh			-37.330.000
- Cty Quốc Việt			-284.680.603
- CT Đ.An Phú Q2			-21.853.730
- CN Công trình 86			-15.827.807
- Sở Giao dịch ĐT BD			-99.818.111
- CT Đào đất trường CNTP			-9.000.000
- CT VP LV Tín Nghĩa			-5.000.000
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>			<b><u>-1.485.310.903</u></b>
- Công ty TNHH Tân Minh Thắng			-1.121.028.712
- Công ty TNHH Mỹ Phẩm Quốc Tế			-252.998.000
- Ông Nguyễn Thành Nhơn			-32.290.000
- Ông Trần Thanh Đăng			-78.994.191
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>-180.000.000</u></b>	<b><u>-180.000.000</u></b>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Nguyễn Thị Lệ Mai		-125.000.000	-125.000.000
- Nguyễn Thị Anh Dung		-24.000.000	-24.000.000
- Hiệp Phát		-13.000.000	-13.000.000
- Gas Hữu Nhường		-18.000.000	-18.000.000
<b>6. Hàng tồn kho</b>		<b>156.923.388.944</b>	<b>95.484.385.965</b>
<b>Văn phòng công ty</b>		<b>144.109.451.133</b>	<b>77.607.346.045</b>
- Nguyên vật liệu (TK 152)		67.656.145	234.556.700
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154)		144.041.794.988	77.372.789.345
<b>Trong đó:</b>			
+ CT Bệnh viện Đa Khoa Sóc Trăng		14.150.137.044	10.234.106.407
+ CT Bệnh viện ĐK Tân Thạnh Long An			6.822.315.011
+ CT Trường THCS Lạc An, B. Dương		241.679.837	21.805.474.364
+ XD đường nội bộ- Bó Lá		1.985.043.081	
+ XD NM bauxit Bảo Lộc		2.759.592.891	2.759.592.891
+ CT Xây dựng cảng Cái Mép, BRVT		11.137.800.718	4.127.179.348
+ CT Trường THCS An Hiệp, Sóc Trăng			2.839.492.893
+ CT Trường THCS Lê Thị Trung, Tân Uyên		6.386.354.291	9.994.638.014
+ Xương SX và kho phân phối Cty bột giặt Lix			7.809.780.197
+ Trụ sở làm việc NH Ngoại Thương - Kiên Giang		30.624.889.249	8.006.871.060
+ CT Jakjin Interex Bình Phước			726.331.053
+ Nhà thiếu nhi Huyện Tân Uyên		8.651.413.627	824.823.885
+ CT Nhựa Tân Tiến		12.155.948.707	
+ CT Trường THCS An Ninh, Tỉnh Sóc Trăng		3.015.197.918	
+ CT Nhà xưởng -Jakjin Interex B Phước		12.658.459.420	
+ CT XD Nhà Đa Năng Bình Dương		14.566.170.323	
+ CT Di dời và Đầu tư CN mới Cty Nakycó		8.961.721.726	
+ CT Trường TH Tân Mỹ, H. Tân Uyên, BD		4.445.798.002	
<b>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</b>		<b>7.357.691.033</b>	<b>14.871.611.088</b>
- Nguyên vật liệu (TK 152)		1.177.121.042	3.600.767.106
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154)		3.492.320.627	7.594.410.339

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Thành phẩm (TK 155)		2.688.249.364	3.676.433.643
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>5.456.246.778</u></b>	<b><u>3.005.428.832</u></b>
- Nguyên vật liệu (TK 152)		1.319.979.923	1.024.561.941
- Sản phẩm dở dang (TK 154)		2.794.000.000	954.000.000
- Thành phẩm (TK 155)		1.342.266.855	1.026.866.891
<b><u>7. Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 142)</u></b>		<b><u>1.929.214.797</u></b>	<b><u>2.591.617.903</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>1.895.402.791</u></b>	<b><u>2.591.617.903</u></b>
Trong đó:			
Thiết bị công trình, máy VP Cty		63.848.927	63.848.927
Công cụ, thiết bị CT Cảng Cái Mép			751.884.456
Công cụ, thiết bị CT Bệnh viện Sóc Trăng		98.595.117	295.785.351
Mua máy vi tính, CCDC tại XCK		670.002.259	74.147.653
Công cụ, thiết bị CT NM sửa Đà Nẵng			443.611.457
Công cụ, thiết bị CT VCB Kiên Giang		353.959.314	403.315.691
Công cụ, thiết bị CT Cảng Thị Vải			409.199.091
CT Hàng rào và bể nước- Jakjin Interex BPhước			140.252.550
Công cụ, thiết bị CT NM nhựa Tân Tiến		266.081.123	7.472.727
CT NM Vinacafe, XL2, KCN Long Thành		173.831.930	
CT XD Nhà Đa năng Bình Dương		130.025.409	
CT NM Vinacafe, XL4, KCN Long Thành		68.427.500	
CT XD NX và khối Vp- Cty Ga Đại Khoa		45.181.212	
Ct Trường TH Tân Mỹ, H.Tân Uyên, BD		22.750.000	
CT XD XCK, Kho vật tư, kho NVL- NM Đức		2.700.000	
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>33.812.006</u></b>	
- Chi phí công cụ, dụng cụ		33.812.006	
<b><u>8. Tài sản ngắn hạn khác</u></b>		<b><u>3.368.268.430</u></b>	<b><u>3.982.814.567</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>2.820.468.744</u></b>	<b><u>3.758.392.486</u></b>
<u>Tạm ứng (TK 1411)</u>		<u>18.000.000</u>	<u>16.100.000</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Lã Hồng Châu		3.000.000	15.000.000
- Nguyễn Bá Thảo		7.000.000	1.100.000
-Phạm Như Ngà		8.000.000	
<b>Tam ứng (TK 1412)</b>		<b>270.993.900</b>	<b>111.241.900</b>
- Cam Hải Hưng		2.000.000	
- Hồ Quốc Cường		133.000.000	
- Lê Hồng Vinh		10.300.000	5.321.000
- Nguyễn Bá Thảo			627.000
- Nguyễn Hồng Đô		5.000.000	5.000.000
- Nguyễn Kim Như			10.000.000
- Nguyễn Phước Duy		10.000.000	
- Nguyễn Thị Thu Thủy		50.000.000	
- Nguyễn Văn Thuận			5.000.000
- Phạm Xuân Phụng			13.500.000
- Trần Hữu An		44.693.900	24.793.900
- Tạ Văn Thành		1.000.000	5.000.000
- Tống Quang Thiêm			27.000.000
- Đoàn Thị Mỹ Dung		15.000.000	15.000.000
<b>Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK 144)</b>		<b>2.531.474.844</b>	<b>3.631.050.586</b>
- Ký quỹ bảo lãnh dự thầu & thực hiện hợp đồng (NH TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN TP.HCM)		577.333.775	1.774.960.578
- Ký quỹ bảo lãnh dự thầu & thực hiện hợp đồng (Ngân Hàng Quân đội -CN Bắc SG)		1.837.141.069	1.781.530.688
- Ký quỹ bảo lãnh thuê Tài chánh - Xe Toyota			41.059.320
- Ký quỹ bảo lãnh thuê Tài chánh - Xe đào bánh xích		31.500.000	31.500.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Ký quỹ bảo lãnh thuê Tài chính - Xe Mercedes		55.500.000	
- XN cấp nước (CT Nhà đa năng)		20.000.000	
- Điện lực Thủ Dầu 1 (CT Nhà đa năng)		10.000.000	
- CT trường Tân Hiệp - ký quỹ lắp điện			2.000.000
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>529.299.686</u></b>	<b><u>173.922.081</u></b>
<u>- Tam ứng (TK 141)</u>		<u>529.299.686</u>	<u>173.922.081</u>
Trong đó:			
- Vũ Tấn Quang			34.330.462
- Lê Thị Cúc		18.818.000	23.818.000
- Trần Minh Thuật		40.868.520	7.905.000
- Nguyễn Anh Phương		63.614.510	1.210.326
- Ngô Tam Trường		38.259.356	38.452.699
- Võ Văn Phần		168.557.161	5.586.239
- Nguyễn Thắng Lợi		56.427.523	
- Phạm Quốc Thành		16.233.595	17.834.835
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>18.500.000</u></b>	<b><u>50.500.000</u></b>
<u>Tam ứng (TK 141)</u>		<u>18.500.000</u>	<u>50.500.000</u>
- Trần Giang		6.500.000	10.000.000
- Trương Thị Kim Xuân		2.000.000	14.000.000
- Vũ Hùng Sơn			5.000.000
- Huỳnh Thị Trâm			2.000.000
- Nguyễn Văn Toại			1.500.000
- Vũ Bảo Huỳnh			8.000.000
- Võ Văn Tám		5.000.000	10.000.000
- Nguyễn Chí Tâm		5.000.000	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

### Tài sản cố định

#### 9. Tài sản cố định hữu hình (TK 211)

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>					
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>9.270.410.257</b>	<b>12.147.397.975</b>	<b>3.941.150.808</b>	<b>331.454.545</b>	<b>25.690.413.585</b>
Mua trong năm	1.413.349.838	1.453.466.529	1.670.401.606		4.537.217.973
Đầu tư XD CB hoàn thành					
Thanh lý, nhượng bán			288.968.687		288.968.687
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.683.760.095</b>	<b>13.600.864.504</b>	<b>5.322.583.727</b>	<b>331.454.545</b>	<b>29.938.662.871</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>4.507.310.611</b>	<b>8.463.107.402</b>	<b>3.941.150.808</b>	<b>92.618.184</b>	<b>17.004.187.005</b>
Trích khấu hao trong năm	677.385.737	1.520.418.365	1.422.859.120	79.490.912	3.700.154.134
Thanh lý, nhượng bán			288.968.687		288.968.687
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.184.696.348</b>	<b>9.983.525.767</b>	<b>5.075.041.241</b>	<b>172.109.096</b>	<b>20.415.372.452</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>4.763.099.646</b>	<b>3.684.290.573</b>		<b>238.836.361</b>	<b>8.686.226.580</b>
<b>2. Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.499.063.747</b>	<b>3.617.338.737</b>	<b>247.542.486</b>	<b>159.345.449</b>	<b>9.523.290.419</b>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh**

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH		
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>			
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>2.549.890.784</b>		<b>2.549.890.784</b>
Thuê tài chính trong năm	1.978.063.637		1.978.063.637
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	1.977.163.511		1.977.163.511
Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.550.790.910</b>		<b>2.550.790.910</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.639.161.531</b>		<b>1.639.161.531</b>
Trích khấu hao trong năm	421.943.362		421.943.362
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	1.729.621.025		1.729.621.025
Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>331.483.868</b>		<b>331.483.868</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>910.729.253</b>		<b>910.729.253</b>
<b>2. Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.219.307.042</b>		<b>2.219.307.042</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

### **11. Tài sản cố định vô hình**

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH		
	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>			
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>		<b>1.826.790.811</b>	<b>1.826.790.811</b>
Mua trong năm			
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
Thanh lý, nhượng bán			
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>		<b>1.826.790.811</b>	<b>1.826.790.811</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>		<b>626.030.106</b>	<b>626.030.106</b>
Khấu hao trong năm		121.786.056	121.786.056
Thanh lý, nhượng bán			
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>		<b>747.816.162</b>	<b>747.816.162</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>		<b>1.200.760.705</b>	<b>1.200.760.705</b>
<b>2. Số dư cuối kỳ</b>		<b>1.078.974.649</b>	<b>1.078.974.649</b>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
<b><u>12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)</u></b>		<b><u>710.561.258</u></b>	<b><u>895.424.066</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>710.561.258</u></b>	<b><u>895.424.066</u></b>
- Đầu tư mở đá TàZon		174.005.575	174.005.575
- Cấp động lực-Kho số 1 tại XCK		48.170.850	48.170.850
- Đầu tư xưởng cắt đá Soklu			308.277.665
- Đầu tư mở rộng xưởng cơ khí		488.384.833	364.969.976
<b><u>13. Đầu tư dài hạn khác</u></b>		<b><u>3.000.000</u></b>	<b><u>3.000.000</u></b>
- Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng (Trái phiếu chính phủ)		3.000.000	3.000.000
<b><u>14. Chi phí trả trước dài hạn (TK 242)</u></b>		<b><u>4.870.709.236</u></b>	<b><u>3.275.428.308</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>1.889.521.800</u></b>	<b><u>881.514.867</u></b>
- Sửa chữa văn phòng Cty		471.404.515	701.404.515
- Vật tư, thiết bị SC tại XCK Biên Hòa		1.418.117.285	180.110.352
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>2.342.875.525</u></b>	<b><u>1.859.195.067</u></b>
- Chi phí sửa heo, bạc đạn, hàm MN		126.340.000	168.453.334
- Chi phí đền bù để sản xuất		1.953.746.903	1.453.746.903
- Chi phí lập BC giám sát môi trường		20.000.000	20.000.000
- Chi phí đo đạc mỏ đá		11.082.000	14.776.000
- Chi phí mua máy nổ diezen		16.970.000	16.970.000
- Chi phí mua hộp số máy khoan		6.375.000	8.500.000
- Chi phí sửa trạm cân		75.800.000	
- Chi phí sửa chữa máy nghiền 150T		28.285.312	37.713.750
- Chi phí sửa chữa máy nghiền, xe đào		104.276.310	139.035.080
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>638.311.911</u></b>	<b><u>534.718.374</u></b>
- Vỏ bình gas		260.391.956	300.391.956

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Mua dụng cụ trang bị VP		14.443.636	8.510.000
- Máy photo			3.500.000
- Máy kinh vĩ		15.181.819	11.545.455
- Chảo đất đèn		131.300.000	105.260.000
- Sửa lò đất đèn		75.510.963	105.510.963
- Xe nâng AD		16.700.000	
- Nới rộng PX Acetylen		57.120.141	
- Sửa xe 60L 5611		67.663.396	
<b><u>15. Vay và nợ ngắn hạn (TK 311)</u></b>		<b><u>45.644.783.337</u></b>	<b><u>9.594.265.463</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>39.764.483.337</u></b>	<b><u>7.110.955.463</u></b>
<b>Vay cá nhân</b>		<b>1.010.000.000</b>	<b>1.750.000.000</b>
- Lâm Ngọc Tuyết		800.000.000	500.000.000
- Phạm Thị Huyền			1.100.000.000
-Huỳnh Thị Thanh Châu		210.000.000	
- Nguyễn Ngọc Quế			150.000.000
<b>Vay ngân hàng</b>		<b>38.754.483.337</b>	<b>5.360.955.463</b>
- Vay nợ NH Quân Đội		38.754.483.337	5.360.955.463
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>2.835.700.000</u></b>	<b><u>1.683.310.000</u></b>
- Nguyễn Thị Thu Vân		630.000.000	675.810.000
- Nguyễn Mạnh Việt		482.000.000	427.000.000
- Nguyễn Thế Phong		639.000.000	410.000.000
- Lâm Ngọc Tuyết		385.000.000	
- Nguyễn Thắng Lợi			130.000.000
- Huỳnh Thị Thanh Châu		100.000.000	
- Đoàn Văn Hùng		499.700.000	40.500.000
- Vũ Thị Việt Đức		100.000.000	
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>3.044.600.000</u></b>	<b><u>800.000.000</u></b>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Dương Thị Ngọc Thanh			550.000.000
- Phan Đình Huy		50.000.000	50.000.000
- Nguyễn Thị Phôn		700.000.000	200.000.000
- Võ Thị Anh		608.600.000	
- Võ Văn Chiến		150.000.000	
- Vũ Mạnh Hùng		536.000.000	
- Trần Thị Kim Vân		1.000.000.000	
<b><u>16. Phải trả cho người bán (TK 331)</u></b>		<b><u>66.305.953.903</u></b>	<b><u>46.792.020.990</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>54.005.544.585</u></b>	<b><u>30.388.177.589</u></b>
Trong đó:			
- CN DNTN Đoàn Kim Oanh - Cửa hàng Hồng Châm		923.397.040	
- Cty TNHH MTV TM DV Vận Tải Hoàng Hùng		1.131.101.041	
- Cty CP lắp máy và Xây dựng Miền Nam		9.668.566.360	
- Cty CP Sản Xuất Xây dựng HƯNG Long Phước		917.227.800	
- Cty CP Bê tông Hồng Hà		4.391.290.002	
- Cty CP Đầu tư XD và TM Đông Tây		1.037.510.815	
- Cty TNHH MTV SMC Bình Dương		898.864.560	
- Cty TNHH SX TM DV Nhà Đẹp		837.841.188	
- Cty TNHH TM & DV Cơ điện lạnh P.M Phước Minh		927.907.200	
- Cty TNHH TM Thép Sài Gòn			1.275.117.172
- Cty CP Bê Tông Long Huy Hoàng			1.089.290.003
- Cty CP Đầu Tư & KD thép Nhân Luật		1.037.510.815	1.770.800.416
- Cty TNHH Lưới thép hàn Song Hợp Lực		271.801.376	1.448.907.397
- Cty TNHH Xây Dựng Nguyễn Gia		832.156.585	1.182.000.369
- Cty TNHH thiết bị lạnh và cách nhiệt TST			711.061.862
- Cty Xây Dựng Lê Phan - TNHH		2.169.322.000	868.080.000
- Công ty Cổ phần SONADEZI An Bình		1.799.625.000	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Công ty CỔ phần VLXD Thế Giới Nhà		1.921.785.000	
- Cty Cổ Phần Pacific DINCO		674.845.262	2.493.525.000
- Cty CP Bê Tông Hòa Cầm INTIMEX			1.437.970.000
- DNTN Hùng		903.606.883	301.578.164
- Hoàng Văn Quế (CT Đường Bó Lá)		2.076.847.653	
- Phạm Thành Trung (Trường T.Thạnh Tây)		1.173.073.419	3.617.213.383
- Đậu Quang Vĩnh (OPC)		334.890.631	2.169.725.026
- Thái Lâm Hưng (Nhà xưởng 1-Yakin B Phước)		2.034.441.378	
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>4.394.306.170</u></b>	<b><u>8.510.300.197</u></b>
<b>TK 331 mở</b>		<b>1.448.120.718</b>	<b>3.622.437.046</b>
<u>Trong đó:</u>			
- Cty VT CN BQP		261.857.131	1.124.084.286
- Nguyễn Văn Ngọc (vật tư)		52.805.000	113.285.000
- Vũ Ngọc Hà			254.350.469
- Lê Văn Tiến		119.116.413	152.194.251
- Trần Việt Hùng (xe 3000)		107.250.397	114.059.636
- Vũ Đức Thắng			202.555.847
- Trương Thị Thu Dung			167.668.434
- DNTN Vũ Tâm (Xe SK12)			219.170.302
- Phạm Thanh Phong (Xe 1887)			193.381.184
- Nguyễn Anh Phương (Xe 5256)			130.956.954
- DNTN Vũ Tâm (Xe 400)			139.414.467
- Cty CP Xăng Dầu Tín Nghĩa		655.994.750	524.836.000
- DNTN Vũ Tâm (Xe 2764)		184.545.050	
<b>TK 331 xây dựng</b>		<b>2.946.185.452</b>	<b>4.887.863.151</b>
<u>Trong đó:</u>			
- Cty TNHH Thắng Đạt		26.002.952	92.962.953
- DNTN Cơ Khí TM Nghĩa Phát		76.988.009	76.988.009
- Nguyễn Mạnh Việt		518.593.099	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Cửa Hàng VLXD Ngọc Quyết		113.681.926	100.605.000
- Cty CP KS & SX Bình Dương		107.699.325	
- DNTN TM DV Lộc Phát		152.940.071	
- Nguyễn Đình Thuận (gia công cửa gỗ BP)		124.977.070	124.977.070
- Cty TNHH Hiền Vinh		32.795.576	124.412.885
- Đoàn Văn Hùng		600.232.677	951.066.439
- CN Cty CP ĐT&KD Thép Nhân Luật tại VT			1.746.030.033
- Cty CP Bê Tông Thủ Đức - Long An			627.040.960
- Cty CP Bê Tông Khang Long			145.672.600
- Vật Liệu XD Bích Liên			96.875.000
- Cty CP XD Huy Hoàng		91.754.000	71.454.000
- Cty TNHH Kỳ Anh		176.160.240	
- Cty TNHH XD TM Toàn Hảo		162.972.976	
- Cty TNHH Liên Hợp		110.873.675	
- Cty TNHH DV TM XD Sơn Hải Gia		74.840.052	
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>7.906.103.148</u></b>	<b><u>7.893.543.204</u></b>
Trong đó:			
- Điện Lực Đồng Nai		260.566.228	1.270.731.080
- Sonadezi		502.503.902	353.525.713
- Cty Tân Khoáng Sản		176.343.410	90.880.928
- Nguyễn Văn Danh		741.242.000	535.797.000
- Cty Tân Thành Mỹ		502.659.018	337.492.738
- Cty TNHH TM & XLCN Sài Gòn		265.824.850	265.824.850
- DNTN An Khang Thịnh		1.211.535.680	601.538.440
- Phan Đình Huy		229.370.000	
- Cty TNHH MTV Hải Âu		810.377.582	835.024.165
- Vũ Mạnh Hùng		253.629.598	978.933.369
- Gạch Bình Phú		610.463.325	87.478.069
- Bê tông Hồng Hà		908.825.000	
- Hoàng Danh		648.901.457	28.716.100

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Nghĩa Hưng Phú		332.586.091	
- Nguyễn Văn Vũ		223.779.000	223.779.000
<b><u>17. Người mua trả tiền trước (TK 131)</u></b>		<b><u>124.303.634.079</u></b>	<b><u>84.239.325.316</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>124.005.729.404</u></b>	<b><u>79.627.461.309</u></b>
Trong đó:			
- Ban QLDA H.Tân Uyên (CT Trường Lạc An)		1.567.863.223	24.390.583.000
- Ban QLDA H.Tân Uyên (CT Trường Tiểu học Tân Mỹ)		7.865.912.000	
- Ban QLDA H.Tân Uyên (Trường THCS Lê Thị Trung)		6.087.368.000	13.170.103.000
- Ban QLDA Ngành VH Du lịch-Tỉnh BD (Nhà Thi đấu đa năng)		10.765.562.000	
- Ban QLDA XD Công Trình Y Tế (BV Tân Thạnh)			5.997.317.000
- Ban QLDA các CT XD T.Sóc Trăng (BV ĐK S.Trăng)		13.268.740.000	1.360.979.000
- Cty CP Bột Giặt Lix			9.112.800.000
- Cty CP Nhựa Tân Tiến		25.784.202.366	
- Cty TNHH Boral Gypsum VN		4.785.000.000	
- Công an Tp.HCM (Dự án T30)		9.801.835.000	
- Công ty CP Nakycó		10.033.157.477	
- Cty TNHH LAVIE			4.096.999.442
- Cty TNHH Sài Gòn Bạc Liêu 2 (xây lắp)			1.295.320.344
- Huyện Đoàn Tân Uyên (Nhà thiếu nhi Tân Uyên)		5.507.802.600	2.599.798.000
- Liên danh Toa TOYO-DA Cảng Q.Tế Cái Mép			2.427.268.399
- Sở Giáo dục-Đào tạo TX Thuận An			2.384.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012 Ngoại tệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Sở Giáo dục-Đào tạo tỉnh Sóc Trăng (XD Trường An Ninh)		3.995.897.798	
- Sở Giáo dục-Đào tạo, Sóc Trăng (XD Trường An Hiệp)			3.419.861.591
- Tổng Cty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam		2.697.027.031	2.697.027.031
- Vietcombank-CN Kiên Giang		19.489.925.471	11.052.316.614
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>137.945.574</u></b>	<b><u>4.595.390.430</u></b>
Trong đó:			
- Cty QL và sửa chữa ĐB 76		50.000.000	9.345.630
- Ctrình Trường Tiểu học Lý Tự Trọng			115.263.362
- Ctrình Trường Tiểu học Hoá An - TP.Biên Hoà			1.617.315.000
- Ctrình mở rộng nhà máy nước khoáng Lavie			2.833.662.468
- Ctrình phòng khám đa khoa An Thạnh		87.837.000	
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>159.959.101</u></b>	<b><u>16.473.577</u></b>
- Nguyễn Thị Hương		16.568.401	16.473.577
- Võ Thị Liên Châu		143.390.700	
<b><u>18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (TK 333)</u></b>		<b><u>11.304.416.880</u></b>	<b><u>13.892.961.131</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>5.953.163.077</u></b>	<b><u>9.406.028.042</u></b>
- Thuế GTGT phải nộp		3.832.643.473	7.602.642.382
- Thuế TNDN		1.726.400.556	1.523.391.961
- Thuê đất		308.343.420	220.245.300
- Thuế TNCN		85.775.628	59.748.399
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>3.339.980.215</u></b>	<b><u>2.119.545.718</u></b>
- Thuế GTGT phải nộp		2.469.098.939	1.498.110.257
- Thuế tài nguyên		812.740.836	519.282.071

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Thuế TNDN phải nộp			
- Phí bảo vệ môi trường		66.181.750	110.194.700
- Thuế môn bài		-8.041.310	-8.041.310
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>2.011.273.588</u></b>	<b><u>2.367.387.371</u></b>
- Thuế GTGT phải nộp Đồng Nai		554.258.155	201.111.537
- Thuế GTGT phải nộp TP.HCM		1.457.015.433	2.166.275.834

\* Ghi chú: Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

<b><u>19. Chi phí phải trả (TK 335)</u></b>	<b><u>5.256.685.631</u></b>	<b><u>9.309.214.741</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>	<b><u>2.678.137.389</u></b>	<b><u>9.200.227.037</u></b>
- Trích trước CT NM gỗ Constrexim		34.177.300
- Chi phí mua máy cưa đá tại Soklu	740.000.000	
- CT Trường THCS An Hiệp, Sóc Trăng	105.064.100	
- CT XD Nhà làm việc Điện lực Trần Đề	345.040.132	
- CT NM SX Cty An Thành		100.000.000
- CT Siêu thị Co.op Sóc Trăng		50.000.000
- CT di dời PTLĐ trung hạ thế & TBA rừng Sác		95.426.737
- Xây dựng trung tâm mắt Quãng Ngãi - Gói 1		
- CT Trường tiểu học Tân Thạnh Tây.Củ Chi		2.885.050.615
- NM dược phẩm - Cty OPC		233.854.258
- CT H/thiện & PT lưới điện trạm hạ thế KV Q8		57.988.374
- XD đường nội bộ Bó Lá		110.516.111
- CT thử tĩnh tải cọc BTCT Coop Cà mau	70.000.000	70.000.000
- CT nhà kho Cty Castrol BP		1.789.668.888
- CT nhà máy sữa Đà Nẵng	250.000.000	3.076.142.551
- Gia cố nền NX-NM Bảo vệ thực vật Sài Gòn	7.192.463	7.192.463

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Mái tôn lầu 2 - Coop Sóc Trăng			13.000.000
- CT Bệnh viện Đa khoa Tân Thành, Long An			35.586.752
- Chi phí lương văn phòng		1.160.840.694	623.800.203
- Gia công trụ điện viễn thông 30m			17.822.785
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>2.578.548.242</u></b>	
- Trích trước Ctrình phòng khám Thuận Giao		1.151.423.284	
- Trích trước Ctrình phòng khám An Khang		767.642.315	
- Trần Minh Thuật		27.245.680	
- Nguyễn Anh Phương		87.492.348	
- Ngô Tam Trường		25.506.237	
- Võ Văn Phần		112.371.441	
- Nguyễn Thắng Lợi		37.618.349	
- Nguyễn Ngọc Đức		12.197.239	
- Võ Xuân Vịnh		8.363.333	
- Trích trước Chi phí lương kỳ 2 tháng 12/2012		149.733.766	
- Trích trước Chi phí thưởng tết 2012		174.899.250	
- Trích trước Chi phí cơm ca tháng 12/2012		24.055.000	
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>			<b><u>108.987.704</u></b>
<b><u>20. Các khoản phải trả, phải nộp khác</u></b>		<b><u>5.918.370.739</u></b>	<b><u>745.378.223</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty</u></b>		<b><u>5.514.894.397</u></b>	<b><u>598.477.146</u></b>
<u>Phải trả, phải nộp khác (TK 138)</u>		<u>231.479.815</u>	<u>92.597.040</u>
+ Thu mua cổ phiếu giá sàn (đợt 2)		77.407.143	77.407.143
+ Thu nộp hộ tiền thuế TNCN		17.192.672	15.189.897
+ Cty TNHH MTV Hóa chất cơ bản MN		103.840.000	
+ CN Cty CP TK Công nghiệp hóa chất		33.040.000	
<u>Kinh phí công đoàn (TK 3382)</u>		<u>243.135.490</u>	<u>175.112.006</u>
<u>Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp (TK 3383,4,9)</u>		<u>47.496.092</u>	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
<b><u>Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)</u></b>		<b><u>4.992.783.000</u></b>	<b><u>330.768.100</u></b>
+ Bùi Thế Kha		9.000.000	9.000.000
+ Chi Cục Thuế Thị xã Thuận An		186.753.000	
+ Cty CP Công nghệ Hiệp Phát		24.000.000	24.000.000
+ Cty TNHH Trang Trí Nội Thất Minh San		8.000.000	8.000.000
+ Cty SUNPIRD		12.800.000	12.800.000
+ Cổ phiếu phát hành thêm năm 2012		4.500.000.000	
+ DNTN Dung Hòa			24.738.100
+ DNTN Mỹ Xuân		20.000.000	20.000.000
+ DNTN Sửa chữa ô tô Thanh Sơn		4.000.000	4.000.000
+ Khách hàng vãng lai		10.000.000	10.000.000
+ Thu tiền TN bán CP giá sàn nộp Tổng Cty		1.500.000	1.500.000
+ Cty nộp về Tổng Cty tiền TN bán CP Trả chậm		191.730.000	191.730.000
+ Xí nghiệp Xây dựng và Sản xuất Công nghiệp		25.000.000	25.000.000
<b><u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u></b>		<b><u>220.840.199</u></b>	<b><u>115.828.891</u></b>
<u>Tam ứng (TK 141)</u>		<u>101.174.060</u>	<u>52.141.360</u>
Trong đó:			
- Vũ Tuấn Quang		86.725.940	
- Nguyễn Tấn Hoàng		6.118.506	6.458.906
- Nguyễn Thị Hằng		2.046.902	1.046.902
- Nguyễn Thăng Lợi			41.472.008
<u>- Kinh phí công đoàn ( TK 3382)</u>		<u>85.416.478</u>	<u>63.687.531</u>
<u>- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)</u>		<u>26.953.900</u>	
<u>- Bảo hiểm y tế (TK 3384)</u>		<u>5.050.911</u>	
<u>- Bảo hiểm thất nghiệp (TK</u>		<u>2.244.850</u>	
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>182.636.143</u></b>	<b><u>31.072.186</u></b>
<u>Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)</u>		<u>182.636.143</u>	<u>31.072.186</u>
- Bảo hiểm xã hội		110.899.860	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Bảo hiểm thất nghiệp			5.924.502
- Kinh phí công đoàn		71.710.340	25.121.741
- Dưỡng sức tại chỗ		25.943	25.943
<b><u>21. Quỹ khen thưởng phúc lợi</u></b>		<b><u>-38.984.805</u></b>	<b><u>262.549.891</u></b>
<b><u>(Văn Phòng)</u></b>			
<b><u>22. Phải trả dài hạn khác</u></b>		<b><u>288.074.424</u></b>	<b><u>308.074.424</u></b>
<b><u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u></b>		<b><u>288.074.424</u></b>	<b><u>308.074.424</u></b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)			
<u>Trong đó:</u>			
- Cơ sở Ngọc Hiệp		12.500.000	12.500.000
- Hải Tín		79.000.000	79.000.000
- Thanh Tâm		122.850.000	142.850.000
- Hải Hà		30.800.000	30.800.000
- DNTN Anh Tân		6.750.000	6.750.000
<b><u>23. Vay và nợ dài hạn</u></b>		<b><u>1.302.291.668</u></b>	<b><u>306.792.368</u></b>
<b><u>Văn phòng công ty (TK 342)</u></b>		<b><u>1.302.291.668</u></b>	<b><u>306.792.368</u></b>
Cty cho thuê TC Ngân hàng Ngoại Thương VN - chi nhánh TP HCM			
- Thuê xe Toyota Fortuner 52U8966			98.542.368
- Thuê Tài Chính xe đào bán xích		61.250.000	208.250.000
- Thuê tài chính xe Mercedes Benz		1.241.041.668	
<b><u>24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm (TK 351)</u></b>		<b><u>429.138.654</u></b>	<b><u>420.915.723</u></b>
Văn phòng công ty		429.138.654	437.384.827

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

**Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
A	25	26	27	28	29
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.005.430.000)</b>	<b>3.361.763.337</b>	<b>830.500.772</b>
Tăng vốn trong năm trước					
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.027.412.259	
Trích quỹ dự phòng tài chính					116.404.623
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					
Tăng khác. Trong đó					
- Mua trong năm					
Giảm vốn					
Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.005.430.000)</b>	<b>4.389.175.596</b>	<b>946.905.395</b>
Tăng vốn trong năm nay		(1.109.900.000)			
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.370.023.173	
Trích quỹ dự phòng tài chính					283.084.832
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					
Chia cổ tức năm nay					
Tăng khác.			(104.470.000)		
Giảm khác			1.109.900.000		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>(1.109.900.000)</b>	<b>-</b>	<b>5.759.198.769</b>	<b>1.229.990.227</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

### **Vốn chủ sở hữu**

#### **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số lượng cổ phiếu tại 31/12/2012	Thành tiền	Tỷ lệ
- Vốn đầu tư của nhà nước	675.000	6.750.000.000	54,00%
- Vốn góp của các đối tượng khác	575.000	5.750.000.000	46,00%
- Cổ phiếu đã được Công ty mua lại			
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>100%</b>

- Giá trị trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm

- Số lượng cổ phiếu quỹ

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### **V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b><u>Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</u></b>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.500.000.000	12.500.000.000
+ Vốn góp đầu năm	12.500.000.000	12.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	12.500.000.000	12.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.378.020.000	2.233.150.800

### **Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.250.000	1.250.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	1.250.000	1.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.250.000	1.250.000
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	110.990
+ Cổ phiếu phổ thông		110.990
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.250.000	1.139.010
+ Cổ phiếu phổ thông	1.250.000	1.139.010

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)*

<b><u>30. Lợi nhuận sau thuế (TK 421) (30.1 + 30.2 + 30.3)</u></b>	<b><u>5.741.410.732</u></b>	<b><u>5.301.981.569</u></b>
<b>30.1 Văn phòng công ty</b>	<b>6.834.817.726</b>	<b>2.834.638.965</b>
- Lợi nhuận năm trước (TK 4211)	3.078.336.312	
- Chi trả cổ tức	(2.378.020.000)	
- Lợi nhuận của các xí nghiệp chuyển lên công ty	2.223.645.257	
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(1.370.023.173)	
- Trích quỹ dự phòng tài chính	(283.084.832)	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(498.229.304)	
- Lợi nhuận năm nay (TK 4212)	<u>6.062.193.466</u>	
+ Lợi nhuận văn phòng công ty	6.062.193.466	
<b>30.2 Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</b>	<b>(2.257.467.301)</b>	
- Lợi nhuận năm nay (TK 4212)	(2.257.467.301)	
<b>30.3 Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</b>	<b>1.164.060.307</b>	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	<hr/> 1.164.060.307	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<b><u>31. Doanh thu (TK 511)</u></b>	<b><u>419.441.346.362</u></b>	<b><u>287.698.976.040</u></b>
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>311.206.277.338</b>	<b>188.827.674.705</b>
- Doanh thu xây dựng	309.295.480.898	186.692.993.784
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.910.796.440	2.134.680.921
<b>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</b>	<b>66.547.255.528</b>	<b>41.220.403.733</b>
- Doanh thu đá	15.189.979.086	19.800.066.377
- Doanh thu xây dựng	48.728.581.244	17.939.451.465
- Doanh thu khác:	2.628.695.198	3.480.885.891
<b>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</b>	<b>41.687.813.496</b>	<b>57.650.917.602</b>
- Doanh thu sản xuất	29.260.551.678	26.179.148.729
- Doanh thu xây dựng	12.427.261.818	31.471.768.873
<b><u>32. Giá vốn hàng bán (TK 632)</u></b>	<b><u>393.113.702.514</u></b>	<b><u>269.101.135.026</u></b>
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>292.141.501.478</b>	<b>179.033.801.035</b>
- Giá vốn xây dựng	290.441.268.082	177.727.972.026
- Giá vốn cho thuê mặt bằng	1.700.233.396	1.305.829.009
<b>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</b>	<b>64.521.663.230</b>	<b>37.811.693.874</b>
- Giá vốn đá	15.883.514.565	17.502.342.160
- Giá vốn xây dựng	46.009.453.467	16.828.465.823
- Giá vốn khác	2.628.695.198	3.480.885.891
<b>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</b>	<b>36.450.537.806</b>	<b>52.255.640.117</b>
- Giá vốn hàng bán phần sản xuất	25.516.002.417	23.561.056.087
- Giá vốn hàng bán phần xây dựng	10.934.535.389	28.694.584.030
<b><u>33. Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)</u></b>	<b><u>303.205.719</u></b>	<b><u>388.139.075</u></b>
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>291.689.203</b>	<b>354.204.486</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	291.689.203	354.204.486
<b>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</b>	<b>4.444.050</b>	<b>19.907.131</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.444.050	19.907.131

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u>	<u>7.072.466</u>	<u>14.027.458</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	7.072.466	14.027.458
<b><u>34. Chi phí hoạt động tài chính (TK 635)</u></b>	<b><u>2.569.295.959</u></b>	<b><u>638.098.629</u></b>
<u>Văn phòng công ty</u>	<u>1.592.749.750</u>	<u>275.141.869</u>
- Lãi vay ngân hàng	1.592.749.750	275.141.869
<u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u>	<u>621.488.232</u>	<u>115.471.582</u>
- Lãi vay thuê tài chính	621.488.232	115.471.582
<u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u>	<u>355.057.977</u>	<u>247.485.178</u>
- Lãi vay phải trả	355.057.977	247.485.178
<b><u>35. Chi phí bán hàng (TK 641)</u></b>	<b><u>239.449.487</u></b>	<b><u>254.037.952</u></b>
Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp	239.449.487	254.037.952
<b><u>36. Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)</u></b>	<b><u>17.971.162.874</u></b>	<b><u>12.198.305.973</u></b>
<u>36.1 Văn phòng công ty</u>	<u>10.819.367.072</u>	<u>5.795.102.413</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.101.614.964	3.160.118.823
Chi phí vật liệu quản lý		14.127.672
Chi phí dụng cụ, đồ dùng VP	5.822.735	36.103.099
Chi phí KHTSCĐ	514.085.347	370.025.600
Thuế, phí & lệ phí	704.495.449	348.621.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.511.134.339	1.424.842.504
Chi phí bằng tiền khác	982.214.238	441.263.218
<u>36.2 Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u>	<u>3.666.015.417</u>	<u>2.608.153.329</u>
<b>Chi phí nhân viên quản lý</b>	<b>738.090.461</b>	<b>266.468.195</b>
+ Tiền lương & các khoản phụ cấp	670.804.480	242.224.024
+ BHXH phải trả cho NVQL	67.285.981	24.244.171
<b>Thuế, phí &amp; lệ phí</b>	<b>529.089.925</b>	<b>798.669.310</b>
+ Thuế môn bài	1.000.000	1.450.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
+ Thuế mặt đất, mặt nước	28.885.250	28.885.250
+ Thuế tài nguyên	433.022.925	634.957.920
+ Các khoản phí và lệ phí		1.093.240
+ Phí bảo vệ môi trường	66.181.750	132.282.900
<b>Chi phí dịch vụ thuê ngoài</b>	<b>194.018.709</b>	<b>76.685.393</b>
+ Tiền thuê nhà + CPC	194.018.709	76.685.393
<b>Chi phí bằng tiền khác</b>	<b>2.204.816.322</b>	<b>1.102.048.240</b>
+ Kinh phí cấp trên	1.854.726.314	873.777.499
+ Trích quỹ trợ cấp mất việc làm		20.753.148
+ Chi phí khác	350.090.008	207.517.593
<b>Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi</b>		<b>364.282.191</b>
<u>36.2 Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u>	<u>3.485.780.385</u>	<u>3.795.050.231</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.174.777.118	1.950.530.998
- Chi phí vật liệu quản lý	51.069.000	46.070.000
- Thuế, phí và lệ phí	170.754.008	62.589.000
- Chi phí dự phòng		180.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.578.000	28.479.000
- Chi phí bằng tiền khác	1.064.602.259	1.527.381.233
<b><u>37. Thu nhập khác (TK 711)</u></b>	<b><u>398.375.547</u></b>	<b><u>1.071.736.260</u></b>
<u>Văn phòng công ty</u>	<u>398.375.547</u>	<u>461.282.664</u>
- Thanh lý xe Toyota 52T-0043	163.636.364	
- Điều chỉnh giảm chi phí trích trước theo BB KT	232.426.364	
- Khác	2.312.819	5.235.720
<u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u>	<u>0</u>	<u>610.453.596</u>
<b><u>38. Chi phí khác (TK 811)</u></b>	<b><u>226.545.312</u></b>	<b><u>1.155.116.521</u></b>
<u>Văn phòng công ty</u>	<u>226.545.312</u>	<u>950.584.521</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
- Điều chỉnh khối lượng theo kết quả kiểm toán số 021246/AISC-XD ngày 02/10/2012	225.318.586	
- Khác	1.226.726	238.983.184
<u>Xí nghiệp Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng</u>		<u>180.000.000</u>
- Chi phí mở đá TàZon		180.000.000
<u>Xí nghiệp Xây Dựng và Sản Xuất Công Nghiệp</u>		<u>24.532.000</u>
<b><u>39. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (= e + f)</u></b>	<b><u>1.053.985.010</u></b>	<b><u>1.053.532.014</u></b>

\* Ghi chú: Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

<b><u>40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu = a/b</u></b>	<b><u>4.311</u></b>	<b><u>3.977</u></b>
a. Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.968.786.472	
b. Số lượng cổ phiếu bình quân	1.152.575	
= (1.250.000*360 - 110.990*316) / 360 ngày		

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### **VI. Những thông tin khác.**

#### **1. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng và các cam kết khác: không phát sinh**

#### **2. Thông tin về hoạt động liên tục:**

Đến ngày 31/12/2012, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

#### **3. Thông tin về giao dịch các bên liên quan**

- Đơn vị không bị kiểm soát bởi Công ty mẹ, công ty con.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp

- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

- Trong năm 2012, Công ty phát sinh các giao dịch với các bên có liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
+ Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		- Tổng thu nhập năm 2012	1.020.117.857
		<b>Cộng</b>	<b>1.020.117.857</b>
- Ông Lê Ngọc Sáu (Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị) : nắm giữ số cổ phần đại diện cho nhà nước: 225.000 cổ phần và cá nhân nắm giữ: 31.450 cổ phần.			
- Ông Nguyễn Văn Khương (Uy viên Hội Đồng Quản Trị - Giám Đốc Công ty) : nắm giữ số cổ phần đại diện cho nhà nước: 225.000 cổ phần và cá nhân nắm giữ: 42.800 cổ phần.			
+ Ông Tống Quang Thiêm, chức vụ Phó giám đốc, nắm giữ số cổ phần đại diện cá nhân nắm giữ: 40.000 cổ phần.			
+ Các bên liên quan khác			

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



**Tổng Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Công Nghiệp Việt Nam**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5**

Lầu 6 Số 22 Lý Tự Trọng, Q. 1, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (toàn công ty)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lâm Ngọc Tuyết	Người thân Nguyễn Văn Khương (Giám đốc)	-Trong năm, cho văn phòng công ty	800.000.000
		- Trong năm, cho XN Xây lắp và vật liệu xây dựng vay	1.885.000.000
		<b>Cộng</b>	<b>2.685.000.000</b>

- Tại ngày 31/12/2012, các khoản công nợ với các bên có liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số dư</u>
Lâm Ngọc Tuyết	Người thân Nguyễn Văn Khương (Giám đốc)	- Cuối năm, văn phòng công ty còn phải trả	800.000.000
		- Cuối năm, XN Xây lắp và vật liệu xây dựng còn phải trả	385.000.000
		<b>Cộng</b>	<b>1.185.000.000</b>

### **3. Báo cáo bộ phận: không phát sinh**

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VI. Những thông tin khác.**

**5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**

**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh ( chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**b) Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**c) Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp ( xem thuyết minh V.1).

**d) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**e) Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:**

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2012</b>			
Các khoản vay và nợ	45.644.783.337	1.302.291.668	46.947.075.005
Phải trả người bán	66.305.953.903		66.305.953.903
Phải trả người lao động	0		0
Chi phí phải trả	5.256.685.631		5.256.685.631
<b>Cộng</b>	<b>117.207.422.871</b>	<b>1.302.291.668</b>	<b>118.509.714.539</b>

Tại ngày 31/12/2012, các khoản vay và nợ dài hạn từ 1 năm đến 5 năm là: 1.302.291.668

- Các khoản nợ 1.302.291.668

Cty cho thuê TC Ngân hàng Ngoại Thương VN - chi nhánh TP HCM

- Thuê Tài Chính xe đào bánh xích 61.250.000

- Thuê tài chính xe Mercedes Benz 1.241.041.668

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### VI. Những thông tin khác.

#### f) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

#### g) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2012 Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

#### h) Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

#### i) Độ nhạy ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

#### j) Rủi ro về giá khác


Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

### 7. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra và điều chỉnh các số dư của các tài khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả, dự phòng trợ cấp mất việc làm, lợi nhuận chưa phân phối và Công ty AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Ngày 10 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thu Nguyệt

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hồng Hải

Giám đốc

  
Nguyễn Văn Khương